| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ANH SƠN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:01/2020/HS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Vi Văn Quang – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An.

Ông Đặng Quang Tân – Hưu trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Trọng B**, sinh ngày: 10/8/1986; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn 5, xã D, huyện D C, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông: Bùi Văn D - Sinh năm 1949 và bà Đinh Thị B – Sinh năm 1952; Hiện cha mẹ đang cư trú tại: thôn 5, xã D, huyện D, tỉnh N; Anh, chị, em ruột: bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: chưa có; Con: Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 18/11/2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn 5, xã D, huyện D, tỉnh N- Có mặt.

*Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị T - Sinh ngày 18/8/2002
Nơi cư trú: thôn 12, xã H, huyện A, tỉnh N- Có mặt
*Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Thảo:*
Bà Đào Thị H – Sinh năm 1974
Nơi cư trú: thôn 12, xã H, huyện A, tỉnh N - Có mặt
Ông Nguyễn Công Hải – Sinh năm 1952
Nơi cư trú: thôn 12, xã H, huyện A, tỉnh N- Có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8 năm 2016, trong quá trình làm công nhân xây dựng tại địa bàn xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thì Bùi Trọng B quen biết với anh Nguyễn

Công T1 và anh Nguyễn Công T2 (T1 và T2 là anh em ruột với nhau cùng trú tại Thôn 12, xã H, huyện A, tỉnh N). Đến tháng 01/2017, B đã về nhà anh T1 và anh T2 chơi. Tại đây, B gặp và nói chuyện với chị Nguyễn Thị T - Là em gái của anh T1, anh T2, sau đó giữa B và chị T nảy sinh tình cảm yêu đương rồi quan hệ tình dục với nhau. B khai nhận thì số lần mà B và chị T đã quan hệ tình dục là khoảng 20 lần và lần đầu tiên là vào khoảng tháng 02/2017. Hậu quả: Đến tháng 03/2017 chị T đã có thai. Sau đó, B đã đưa chị T về giới thiệu với gia đình của mình và đến ngày 13/6/2017 hai người đã tổ chức đám cưới tại gia đình của B thuộc thôn 5, xã D, huyện D mặc dù giữa B và T chưa đăng ký kết hôn theo quy định do chị T tại thời điểm đó chưa đủ tuổi. Đến ngày 18/11/2017, chị T sinh con gái lấy họ của chị T và đặt tên là Nguyễn Thị Tường V. Tuy nhiên, đến tháng 5/2019 do có mâu thuẫn với nhau nên khi chị Thảo chuẩn bị đưa cháu Vy về sinh sống tại Thôn 12, xã H, huyện A thì Bình không đồng ý, yêu cầu chị T để cháu V ở lại để B chăm sóc. Đến ngày 22/6/2019, do bức xúc trước thái độ của B nên chị T đã viết đơn gửi Công an tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu V. Qua nghiên cứu nội dung đơn của chị T Thanh tra Công an tỉnh đã phát hiện hành vi của B có dấu hiệu của tội phạm " Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" cho nên đã chuyển toàn bộ nội dung vụ việc đến Cơ quan CSĐT, Công an huyện A để thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Trọng B đã khai nhận: Bùi Trọng B và Nguyễn Thị T quen biết, nảy sinh tình cảm với nhau và đã quan hệ tình dục lần đầu tiên vào khoảng tháng 2/2017. Sau đó, giữa B và Th còn quan hệ với nhau nhiều lần nữa nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần, thời điểm đó chị T chưa đủ 16 tuổi. Mặc dù nhận thức được chị T chưa đủ 16 tuổi nhưng không kìm chế được ham muốn của bản thân và do B và T có tình cảm yêu đương nên đã quan hệ tình dục với nhau.

Bùi Trọng B quan hệ tình dục với Nguyễn Thị T đã dẫn đến chị T có thai, đến ngày 18/11/2017 chị T sinh 01 (một) bé gái và đặt tên là Nguyễn Thị Tường V.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ađã ra quyết định trưng cầu số: 71/QĐ-CQĐT ngày 07 tháng 10 năm 2019 gửi Viện Khoa học hình sự - BCA giám định gen để xác định huyết thống của cháu Nguyễn Thị Tường V với Bùi Trọng B và chị Nguyễn Thị T.

Tại bản kết luận giám định số: 6212/C09-TT3 ngày 11/11/2019 của Viện Khoa học hình sự - BCA kết luận: Nguyễn Thị Tường V là con đẻ của Nguyễn Thị T và Bùi Trọng B là cha đẻ của Nguyễn Thị Tường V với xác suất 99,9999%.

**Vật chứng thu giữ: Không**

**Về trach nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cũng như buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Tường V.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT- VKSHS ngày 09/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Bùi Trọng B về tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại khoản 2 điều 145 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã mô tả; trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận và xin cho bị cáo được hưởng án treo cho bị cáo khi nói lời sau cùng.

Người bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A. tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A. tỉnh N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào tháng 01 năm 2017, tại thôn 12, xã H, huyện A, tỉnh N, Bùi Trọng B và chị Nguyễn Thị T quen biết, nảy sinh tình cảm với nhau và đã quan hệ tình dục lần đầu tiên vào khoảng tháng 2/2017, sau đó tiếp tục quan hệ tình dục nhiều lần. Hậu quả: Tháng 3/2017 làm nạn nhân có thai, và đến ngày 18/11/2017 sinh 01 con gái đặt tên là Nguyễn Thị Tường V. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án là nghiêm trong, đã xâm phạm đến nhân phẩm, sức khỏe và sự phát triển bình thường của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, được pháp luật đặc biệt bảo vệ. Bị cáo Bùi Trọng B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình. Bản thân bị cáo biết hành vi của mình là xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm người khác, nhưng bị cáo vẫn nhiều lần quan hệ tình dục với chị Nguyễn Thị T, hậu quả làm nạn nhân có thai và sinh con. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, và ăn năn hối cải. Sau khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can bị cáo B và chị T

quay lại sống chung với nhau như vợ chồng, cuộc sống hai bên hạnh phúc, cùng nhau nuôi dưỡng con chung, chờ đến khi chị Thảo đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Ngoài ra bố đẻ bị cáo còn có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và Huân chương chiến sỹ giải phóng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ việc đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo HĐXX thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật hình sự đặc biệt bảo vệ. Do đó phải xử lý thật nghiêm , việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để có tác dụng giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, do đó cần phải giảm nhẹ một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cũng như buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Tường V nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố**: Bị cáo Bùi Trọng B phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

- Áp dụng: điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Trọng B **03** *(Ba)* năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

**2.Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Bùi Trọng B phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

**3.Về quyền kháng cáo**: Bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phan Văn Phú***

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Anh Sơn;*
- *Công an huyện Anh Sơn;*
- *Chi cục THADS huyện Anh Sơn;*
- *Bị cáo; Người bị hại;*
- *Đại diện hợp pháp cho bị hại;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án;*